BỘ QUỐC PHÒNG

BỘ QUỐC PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 64 /2018/TT-BQP	*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2018*

THÔNG TƯ
Quy định thực hiện cung cấp thông tin trong Bộ Quốc phòng

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin;

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ Quốc phòng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định thực hiện cung cấp thông tin trong Bộ Quốc phòng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về thực hiện cung cấp thông tin, đầu mối thực hiện cung cấp thông tin trong Bộ Quốc phòng quy định tại điểm i khoản 2 Điều 9 Luật tiếp cận thông tin; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng; cơ quan, đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ là đầu mối cung cấp thông tin, tổ chức tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin và cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cung cấp thông tin.

Điều 3. Nguyên tắc cung cấp thông tin

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Luật tiếp cận thông tin và các nguyên tắc sau:

1. Thông tin được cung cấp phải do chính Thủ trưởng cấp mình hoặc cơ quan, đơn vị mình tạo ra, trừ thông tin không được tiếp cận quy định tại Điều 6 Luật tiếp cận thông tin, thông tin được tiếp cận có điều kiện thì cung cấp khi có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 7 Luật tiếp cận thông tin.

2. Việc cung cấp thông tin tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật quân sự, quốc phòng.

3. Bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời; đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; phù hợp với tính chất của thông tin được yêu cầu cung cấp và khả năng của cơ quan, đơn vị mình.

Điều 4. Đầu mối cung cấp thông tin theo yêu cầu

1. Cơ quan, đơn vị các cấp trong Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện cung cấp thông tin do mình tạo ra, trừ các trường hợp sau:

a) Văn phòng Bộ Quốc phòng cung cấp thông tin do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

b) Văn phòng: Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, các tổng cục; Văn phòng Bộ Tư lệnh: Quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh 86; Thanh tra Bộ Quốc phòng, Tòa án quân sự trung ương, Viện kiểm sát quân sự trung ương, học viện, nhà trường trực thuộc Bộ Quốc phòng cung cấp thông tin do Thủ trưởng cấp mình tạo ra và thông tin do mình tạo ra.

2. Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh, Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện ngoài cung cấp thông tin do mình tạo ra quy định tại Khoản 1 Điều này còn cung cấp thông tin do Bộ Quốc phòng tạo ra, thông tin do các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng tạo ra mà mình nhận được để trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trừ trường hợp quy định tại Điều 6 Luật tiếp cận thông tin; đối với trường hợp quy định tại Điều 7 Luật tiếp cận thông tin thì cung cấp thông tin khi có đủ điều kiện theo quy định.

Điều 5. Địa điểm tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin

1. Trụ sở tiếp công dân, địa điểm tiếp công dân, nơi tiếp công dân của các cơ quan, đơn vị là nơi tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin của công dân đối với cơ quan, đơn vị mình. Riêng Trụ sở tiếp công dân Bộ Quốc phòng tại Hà Nội là nơi tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin của công dân và thực hiện cung cấp thông tin của Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật, Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Thanh tra Bộ Quốc phòng và các cục trực thuộc Bộ Quốc phòng.

2. Người tiếp công dân của trụ sở tiếp công dân, địa điểm tiếp công dân, nơi tiếp công dân của cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin của công dân.

Điều 6. Đầu mối công khai thông tin

1. Cổng Thông tin điện tử Bộ Quốc phòng là đầu mối công khai thông tin của Bộ Quốc phòng, có địa chỉ: http://mod.gov.vn hoặc http://bqp.vn.

2. Cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị là đầu mối công khai thông tin của cơ quan, đơn vị. Trường hợp chưa có cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, cơ quan, đơn vị căn cứ vào điều kiện thực tế để công khai thông tin bằng hình thức thích hợp khác.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị tạo ra thông tin

1. Rà soát, kiểm tra, xác định nội dung thông tin trong văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc thông tin không được tiếp cận, thông tin được tiếp cận có điều kiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Luật tiếp cận thông tin trước khi chuyển cho đầu mối cung cấp thông tin.

2. Lập, cập nhật, công khai Danh mục thông tin phải được công khai và đăng tải Danh mục trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử; thường xuyên cập nhật và công khai thông tin đúng thời điểm, thời hạn và hình thức theo Danh mục thông tin phải được công khai.

3. Rà soát các quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình để kịp thời báo cáo, đề xuất với Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Luật tiếp cận thông tin.

4. Giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm về tiếp cận thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị đầu mối cung cấp thông tin

1. Bố trí người làm nhiệm vụ cung cấp thông tin.

2. Kiểm tra loại bỏ các nội dung thông tin trong văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc thông tin công dân không được tiếp cận, thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo quy định trước khi cung cấp.

3. Tiếp nhận, xử lý các yêu cầu cung cấp thông tin của công dân và cung cấp thông tin cho công dân theo yêu cầu.

4. Giải thích, hướng dẫn, thông báo cho công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin theo đúng trình tự, thủ tục.

5. Tiếp nhận, trả lời hoặc phối hợp với các đơn vị liên quan trả lời phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, công dân về cung cấp thông tin của cơ quan, đơn vị mình theo quy định của pháp luật.

6. Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin của công dân; tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất về thực hiện quyền tiếp cận thông tin của cơ quan, đơn vị mình.

Điều 9. Trách nhiệm của người tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin

1. Tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin.

2. Giải thích, hướng dẫn, thông báo cho công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, hỗ trợ người yêu cầu xác định rõ hồ sơ, tài liệu, tên văn bản có chứa thông tin cần tìm kiếm để điền đầy đủ, chính xác vào Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin.

3. Hướng dẫn, giúp đỡ người yêu cầu cung cấp thông tin trong việc điền Phiếu, ký Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin theo mẫu phiếu sử dụng trong cung cấp thông tin theo yêu cầu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị

định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin (sau đây viết gọn là Nghị định số 13/2018/NĐ-CP). Hướng dẫn người yêu cầu đến cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin khi thông tin không thuộc trách nhiệm cung cấp của cơ quan, đơn vị mình.

4. Gửi Phiếu yêu cầu đến cơ quan, đơn vị đầu mối cung cấp thông tin.

Điều 10. Trách nhiệm của người làm nhiệm vụ cung cấp thông tin

1. Tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin, vào Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu và báo cáo Thủ trưởng cấp mình theo quy định.

2. Cung cấp thông tin cho công dân theo đúng hình thức, trình tự, thủ tục, thời hạn quy định tại Chương III Luật tiếp cận thông tin, Nghị định số 13/2018/NĐ-CP và các văn bản liên quan; chịu trách nhiệm về tính xác thực của thông tin do mình cung cấp.

3. Khi nhận được yêu cầu cung cấp thông tin hợp lệ, thông báo về thời hạn, địa điểm, hình thức cung cấp thông tin; chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax (nếu có) và phương thức, thời hạn thanh toán theo mẫu phiếu sử dụng trong cung cấp thông tin theo yêu cầu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 13/2018/NĐ-CP.

4. Nghiên cứu và phân tích các quy định về cung cấp thông tin để đề xuất, kiến nghị về các vấn đề phát sinh trong quá trình giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin cho công dân; xây dựng báo cáo về tình hình cung cấp thông tin của cơ quan, đơn vị mình.

Điều 11. Chế độ báo cáo

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị báo cáo về thực hiện quyền tiếp cận thông tin của cơ quan, đơn vị mình theo quy định.

2. Định kỳ trước ngày 10 tháng cuối của quý, 6 tháng, 9 tháng và năm, cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng báo cáo Bộ Quốc phòng về thực hiện quyền tiếp cận thông tin thuộc phạm vi trách nhiệm của cơ quan, đơn vị mình.

3. Nội dung báo cáo nêu rõ:

a) Tình hình công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu tại cơ quan, đơn vị;

b) Số lượng yêu cầu cung cấp thông tin đã tiếp nhận; số lượng yêu cầu cung cấp thông tin đã được giải quyết; số lượng yêu cầu cung cấp thông tin bị từ chối; số lượng các vụ khiếu nại, các vụ khởi kiện (nếu có) đã được giải quyết;

c) Những khó khăn, vướng mắc trong cung cấp thông tin;

d) Kiến nghị các biện pháp cần thiết góp phần bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin quy định tại Điều 4 Thông tư này ban hành và công bố công khai quy chế nội bộ về tổ chức cung cấp thông tin thuộc phạm vi trách nhiệm của mình, gồm các nội dung chính sau đây: Xác định đầu mối cung cấp thông tin; việc chuyển giao thông tin của đơn vị tạo ra cho đơn vị đầu mối cung cấp thông tin; việc phân loại thông tin được cung cấp và không được cung cấp; cập nhật thông tin được công khai, thông tin được cung cấp theo yêu cầu; trình tự, thủ tục xử lý yêu cầu cung cấp thông tin giữa đơn vị đầu mối với đơn vị phụ trách cơ sở dữ liệu thông tin và các đơn vị có liên quan.

2. Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Văn phòng Bộ Quốc phòng kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Lê Chiêm